TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2021
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Bà Đoàn Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Bùi Thị Ngọc L,** sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp H, xã M huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: **Ông Bùi Văn C**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp H, xã M huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc L trình bày: Vào năm 2003, bà và ông Bùi Văn C tự tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình chấp thuận cho tổ chức lễ cưới và ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Hà Tây. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà về sinh sống tại ấp H, xã M huyện H, tỉnh Kiên Giang Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được 01 người con chung là Bùi Thị Hương Giang, sinh năm 1995. Tuy nhiên, đến đầu năm 2013, giữa bà và ông C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân cho đến nay. Bà nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông C. Về con chung của ông bà đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Văn C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà L, ông C nhưng bà L, ông C không có mặt tại Tòa, riêng bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông C chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây ngày 07/11/2003, dó đó hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng kể từ năm 2013 đến nay, tình cảm giữa bà và ông C bắt đầu rạn nứt, vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L không còn tình cảm với ông C và sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà L ly hôn với ông C theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1] Về con chung: Ông bà có một con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L cho rằng quá trình chung sống giữa bà và ông C không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà L yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị Ngọc L ly hôn với ông Bùi Văn C.

2. Về con chung: Con đã trưởng thành, bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Phượng đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số … ngày … của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai